TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị D, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phan Thành S, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2023, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Lê Thị D, trình bày: Vào năm 1998, chị và anh Phan Thành S, sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phan Thị N, sinh năm 1999 và Phan Thành Quốc H, sinh ngày 30/5/2010. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh S không chăm lo cho gia đình, cuộc sống chung của vợ chồng không còn

hạnh phúc. Chị và anh S đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thành S. Về con chung: Cháu Nhưng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đang sống với chị, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Phan Thành S đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh S vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Phan Thành S. Về việc nuôi con: Giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Thành S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Phan Thành S được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của chị D là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị D và anh S có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị D và anh S không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh S đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa tổng cộng 4 lần nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị D và anh S không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị D được ly hôn

với anh Phan Thành S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; 01 con chung đang sống chung với chị D, đã ổn định. Anh S chưa có yêu cầu nuôi con nên chấp nhận giao con chung cho chị tiếp tục nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng, chưa có yêu cầu nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D. Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Phan Thành S.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D.

2.1. Chị Lê Thị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thành Quốc H, sinh ngày 30/5/2010.

2.2. Về cấp dưỡng: Tòa án chưa xem xét.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004322 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú